



TON DONG A

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III/2022

THÁNG 10 NĂM 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/09/2022	Số đầu kỳ 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8.975.541.202.792	9.281.096.575.225
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	743.317.191.937	544.359.213.855
Tiền	111		332.067.191.937	534.359.213.855
Các khoản tương đương tiền	112		411.250.000.000	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	1.214.000.334.506	1.625.388.572.810
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.214.000.334.506	1.625.388.572.810
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.489.225.022.789	2.519.798.372.050
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.602.946.859.924	2.483.985.081.194
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	10.026.436.902	3.912.099.028
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.6	880.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	33.386.750.506	32.587.198.050
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3	(37.135.024.543)	(3.686.006.222)
IV. Hàng tồn kho	140		4.390.275.217.838	4.427.016.921.200
Hàng tồn kho	141	V.7	4.466.312.791.320	4.434.799.955.276
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(*)	149	V.7	(76.037.573.482)	(7.783.034.076)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		138.723.435.722	164.533.495.310
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	22.658.182.086	20.090.591.278
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.15	115.283.738.029	143.668.166.502
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15	781.515.607	774.737.530

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/09/2022	Số đầu kỳ 01/01/2022
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.947.664.098.709	3.367.017.393.491
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.051.436.839	4.866.634.839
Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4	6.435.000	6.435.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.5	5.045.001.839	4.860.199.839
II. Tài sản cố định	220		2.609.937.870.905	2.834.481.743.681
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2.429.414.203.181	2.653.239.549.657
- Nguyên giá	222		4.555.976.147.265	4.522.858.473.234
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(2.126.561.944.084)	(1.869.618.923.577)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	58.396.959.466	60.790.524.962
- Nguyên giá	225		67.828.457.989	71.066.232.074
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(9.431.498.523)	(10.275.707.112)
Tài sản cố định vô hình	227	V.11	122.126.708.258	120.451.669.062
- Nguyên giá	228		136.987.144.227	133.446.924.227
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(14.860.435.969)	(12.995.255.165)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	10.706.405.660	3.106.220.920
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10.706.405.660	3.106.220.920
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	30.640.000.000	199.640.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		30.640.000.000	199.640.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		291.328.385.305	324.922.794.051
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	296.367.117.368	320.043.014.552
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		(5.038.732.063)	4.879.779.499
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		11.923.205.301.501	12.648.113.968.716

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/09/2022	Số đầu kỳ 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.074.507.374.534	9.196.195.607.377
I. Nợ ngắn hạn	310		7.966.730.296.837	8.745.065.889.510
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	1.849.209.131.700	2.351.948.262.818
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	62.917.941.636	58.613.953.961
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	38.504.919.205	108.732.468.433
Phải trả người lao động	314		23.563.958.091	37.664.949.438
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		787.054.826	6.448.994.814
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1.108.827.555.719	2.336.109.350.656
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	4.821.264.965.084	3.827.537.623.323
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		61.654.770.576	18.010.286.067
II. Nợ dài hạn	330		107.777.077.697	451.129.717.867
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	52.091.413.735	451.129.717.867
Trái phiếu chuyển đổi	339	V.18	55.685.663.962	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.848.697.926.967	3.451.918.361.339
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	3.848.697.926.967	3.451.918.361.339
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.146.915.100.000	1.023.228.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		1.146.915.100.000	1.023.228.290.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		834.436.453.483	464.371.374.500
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		1.931.977.742	1.931.977.742
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.430.602.730	3.430.602.730
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.861.983.793.012	1.958.956.116.367
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		1.738.335.705.748	749.147.894.987
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421B		123.648.087.264	1.209.808.221.380
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.923.205.301.501	12.648.113.968.716

Bình Dương, Ngày 25 tháng 10 năm 2022

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B02 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý III năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ III		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	4.216.261.172.124	6.991.716.755.282	17.322.325.344.243	17.165.515.006.169
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		9.800.013.221	2.799.123.877	40.541.433.743	30.510.410.987
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		4.206.461.158.903	6.988.917.631.405	17.281.783.910.500	17.135.004.595.182
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4.267.591.278.494	6.185.285.552.808	16.021.422.073.373	15.191.736.432.278
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp (20 = 10 - 11)	20		(61.130.119.591)	803.632.078.597	1.260.361.837.127	1.943.268.162.904
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	118.075.363.994	77.759.500.557	311.941.562.565	145.661.237.204
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	105.143.431.080	73.798.589.387	297.698.569.384	165.588.442.833
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		69.094.258.906	58.171.103.033	184.207.450.639	141.503.659.101
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	183.922.142.616	360.565.245.224	1.012.042.006.717	687.692.052.180
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	20.237.911.495	25.170.282.644	106.106.988.233	75.154.980.359
10. Lợi nhuận thuần (lỗ) từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		(252.358.240.788)	421.857.461.899	156.455.835.358	1.160.493.924.736
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.319.978.731	974.383.531	8.915.204.250	25.121.687.719
12. Chi phí khác	32	VI.6	1.912.316.043	1.130.901.932	2.177.328.648	2.482.753.042
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		407.662.688	(156.518.401)	6.737.875.602	22.638.934.677
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(251.950.578.100)	421.700.943.498	163.193.710.960	1.183.132.859.413
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	(52.078.328.087)	82.123.865.430	29.627.112.134	229.351.166.113
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.7	6.905.694.088	2.945.820.982	9.918.511.562	(447.458.934)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(206.777.944.101)	336.631.257.086	123.648.087.264	954.229.152.234

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Bình Dương, Ngày 25 tháng 10 năm 2022

Tông Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B03 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 09 THÁNG NĂM 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	09 THÁNG NĂM 2022	09 THÁNG NĂM 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	1	163.193.710.960	1.183.132.859.413
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao và hao mòn	2	258.777.247.905	256.720.368.192
Trích lập (hoàn nhập) các khoản dự phòng	3	101.703.557.727	(229.819.487)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	-	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(157.337.165.380)	(45.847.130.849)
Chi phí lãi vay	6	184.207.450.639	141.503.659.101
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	550.544.801.851	1.535.279.936.370
Giảm (tăng) các khoản phải thu	9	908.207.590.294	(1.807.562.883.045)
Tăng (giảm) hàng tồn kho	10	(31.512.836.044)	(2.759.082.777.212)
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	(1.774.346.365.037)	1.766.382.230.504
Giảm (tăng) chi phí trả trước	12	21.108.306.376	25.059.370.341
Tiền lãi vay đã trả	14	(190.127.953.949)	(148.315.063.354)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(67.707.853.448)	(45.458.900.632)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(60.940.576.409)	(23.601.861.967)
Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh	20	(644.774.886.366)	(1.457.299.948.995)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(43.547.780.747)	(60.948.545.399)
Tiền thu do thanh lý tài sản cố định	22	1.851.851.853	13.245.681.287
Tiền chi để mua trái phiếu, gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay	23	(4.640.651.450.538)	(2.311.940.000.000)
Tiền thu từ bán trái phiếu, tất toán tiền gửi ngân hàng và thu hồi khoản cho vay	24	4.344.039.688.842	1.065.608.909.967
Lãi tiền gửi và cổ tức nhận được	27	151.309.123.447	45.241.838.109
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	30	(186.998.567.143)	(1.248.792.116.036)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B03 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
09 THÁNG NĂM 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	09 THÁNG NĂM 2022	09 THÁNG NĂM 2021
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	494.747.240.000	21.335.350.000
Tiền thu từ đi vay	33	13.976.921.741.385	12.606.726.788.795
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(13.313.250.489.836)	(10.040.606.486.567)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(13.296.549.958)	(13.704.076.553)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(114.390.510.000)	(168.071.710.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.030.731.431.591	2.405.679.865.675
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	50	198.957.978.082	(300.412.199.356)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	544.359.213.855	378.657.564.474
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	743.317.191.937	78.245.365.118

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Bình Dương, Ngày 25 tháng 10 năm 2022

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2022****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 2 tháng 2 năm 2009 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất sắt, thép cán nóng, thép cán nguội, thép ống, gang, thép mạ, khung kèo thép và các sản phẩm cơ khí; mua bán sắt, thép, hàng mộc gia dụng, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, vật tư, nguyên nhiên liệu, máy móc thiết bị; xây dựng dân dụng, công nghiệp; thi công hệ thống điện, nước công trình; vận chuyển hàng hóa đường bộ; và cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường : 12 tháng.**4. Mô hình hoạt động:**

Công ty có trụ sở chính tại Số 5 Đường số 5, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai (2) văn phòng đại diện tại Số 18 - 20 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và Tầng M, Lô 52-53 Lê Đức Thọ, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam và một (1) chi nhánh tại Lô A3, đường D4, Khu Công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 là: 1502 người (ngày 1 tháng 1 năm 2022: 1.460 người).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có bốn (4) công ty con. Chi tiết như sau:

Danh sách công ty con	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Long An Địa Chỉ: Lô D9, Đường số 4, Khu Công nghiệp Nhứt Chánh, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Long An, Việt Nam	100	100
Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Đà Nẵng Địa Chỉ: Lô E2, Đường số 7, KCN Hòa Khánh, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	100	100
Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bình Dương Địa Chỉ: Lô CN16 ô số 9-10, đường số 6, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100	100
Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bắc Ninh Địa Chỉ: Nhà RBF -Q, khu RBF, số 36, đường 05, VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	100	100



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2022**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế Toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa để bán lại - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) QUÝ III NĂM 2022

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

5. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được ghi nhận được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**QUÝ III NĂM 2022**

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

7. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà kho và lắp ráp dây chuyền sản xuất, máy móc và thiết bị của Công ty mà các công việc này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn 30 và 45 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

11. Các khoản đầu tư**Đầu tư vào công ty con**

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2022****Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư**

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Vào ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau;

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

15. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**QUÝ III NĂM 2022**

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

16. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

17. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

18. Thuế**Thuế thu nhập hiện hành**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**QUÝ III NĂM 2022**

thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tại chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2022****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	455.433.299	275.126.697
Tiền gửi ngân hàng	331.611.758.638	534.084.087.158
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền (*)	411.250.000.000	10.000.000.000
TỔNG CỘNG	743.317.191.937	544.359.213.855

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	193.000.000.000	1.215.389.000.000
Trái phiếu	1.021.000.334.506	409.999.572.810
CỘNG	1.214.000.334.506	1.625.388.572.810
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn		
Trái phiếu	30.640.000.000	199.640.000.000
CỘNG	30.640.000.000	199.640.000.000
TỔNG CỘNG	1.244.640.334.506	1.825.028.572.810



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2022****3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
JFE Shoji America LLC	-	487.519.007.805
Các khách hàng khác	1.602.946.859.924	1.996.466.073.389
TỔNG CỘNG	1.602.946.859.924	2.483.985.081.194
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(37.135.024.543)	(3.686.006.222)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.565.811.835.381	2.480.299.074.972

(*Công ty đã sử dụng một số khoản phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
NGẮN HẠN		
Công Ty CP Đầu Tư Bất Động Sản New Land	800.000.000	800.000.000
Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Phú Mỹ	897.000.000	497.000.000
Nhà cung cấp khác	8.329.436.902	2.615.099.028
CỘNG	10.026.436.902	3.912.099.028
DÀI HẠN		
Nhà cung cấp khác	6.435.000	6.435.000
CỘNG	6.435.000	6.435.000
TỔNG CỘNG	10.032.871.902	3.918.534.028



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2022****5. PHẢI THU KHÁC**

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
Ký quỹ, ký cược	9.990.553.499	23.179.137.499
Phải thu chi hộ	12.595.809.156	5.284.220.298
Khác	10.800.387.851	4.123.840.253
CỘNG	33.386.750.506	32.587.198.050
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	5.045.001.839	4.860.199.839
CỘNG	5.045.001.839	4.860.199.839
TỔNG CỘNG	38.431.752.345	37.447.397.889

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Huế	-	3.000.000.000
Công ty Cổ Phần Mua Bán Nợ Và Quản Lý Tài Sản Việt Nam(*)	650.000.000.000	-
Phạm Thị Minh Hằng(**)	230.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	880.000.000.000	3.000.000.000

Lãi suất của các khoản cho vay ngắn hạn nêu trên là từ 7,5%/năm đến 16%/năm với kỳ hạn từ 3 đến 6 tháng.

(*) Công ty Cổ phần Mua Bán Nợ & Quản lý Tài sản Việt Nam đã mở bảo lãnh thanh toán cho khoản vay này tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành.

(**) Bà Phạm Thị Minh Hằng đã thế chấp cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong (mã chứng khoán: ORS) được ủy quyền đang lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán MB và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD). Ngoài ra, khoản cho vay này đã được bảo lãnh thanh toán bởi một công ty và các cá nhân khác



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2022****7. HÀNG TỒN KHO**

	30/09/2022 VND	01/01/2022 VND
Thành phẩm	3.084.764.271.785	2.439.163.475.750
Nguyên liệu, vật liệu	1.048.228.913.000	932.342.153.557
Hàng đang đi trên đường	283.148.700.821	967.376.000.446
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	46.293.276.207	44.980.566.686
Công cụ, dụng cụ	2.774.014.741	7.083.600.039
Hàng hoá	1.103.614.766	43.854.158.798
TỔNG CỘNG	4.466.312.791.320	4.434.799.955.276
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(76.037.573.482)	(7.783.034.076)
Giá trị thuần	4.390.275.217.838	4.427.016.921.200

(* Công ty đã sử dụng một số hàng tồn kho của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	09T - 2022 VND	09T - 2021 VND
Số đầu năm	7.783.034.076	229.819.487
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	74.984.995.672	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(6.730.456.266)	(229.819.487)
Số cuối năm	76.037.573.482	-

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	22.658.182.086	20.090.591.278
Công cụ, dụng cụ đang dùng	15.443.814.985	14.157.268.292
Chi phí quảng cáo	1.373.159.077	1.618.907.789
Khác	5.841.208.024	4.314.415.197
Dài hạn	296.367.117.368	320.043.014.552
Tiền thuê đất trả trước (*)	208.026.238.198	212.847.099.673
Công cụ, dụng cụ đang dùng	51.552.223.011	52.226.764.563
Chi phí quảng cáo	27.437.156.058	41.347.988.845
Khác	9.351.500.101	13.621.161.471
TỔNG CỘNG	319.025.299.454	340.133.605.830

(* Công ty đã sử dụng một số quyền sử dụng đất của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2022****9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2022	798.949.965.442	3.500.193.537.500	206.299.949.188	17.068.137.479	346.883.625	4.522.858.473.234
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.017.866.799	4.531.049.836	-	-	-	5.548.916.635
Mua trong năm	218.396.000	7.209.332.064	1.617.411.700	46.749.500	36.444.188	9.128.333.452
Tăng nguyên giá						
Phân loại từ tài sản cố định thuê tài chính	-	3.620.400.000	17.347.500.005	-	-	20.967.900.005
Thanh lý, nhượng bán, xóa sổ	-	-	(2.527.476.061)	-	-	(2.527.476.061)
Giảm nguyên giá						
Tại ngày 30/09/2022	800.186.228.241	3.515.554.319.400	222.737.384.832	17.114.886.979	383.327.813	4.555.976.147.265
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	21.621.643.692	302.453.010.427	14.553.935.268	10.634.434.159	-	349.263.023.546
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 01/01/2022	174.420.691.987	1.585.313.945.961	95.885.619.228	13.859.912.953	138.753.448	1.869.618.923.577
Khấu hao trong năm	27.978.610.598	204.038.939.247	18.073.346.316	871.668.282	29.053.288	250.991.617.731
Phân loại từ tài sản cố định thuê tài chính	-	982.646.975	5.782.010.984	-	-	6.764.657.959
Thanh lý, nhượng bán, xóa sổ	-	-	(813.255.183)	-	-	(813.255.183)
Tại ngày 30/09/2022	202.399.302.585	1.790.335.532.183	118.927.721.345	14.731.581.235	167.806.736	2.126.561.944.084
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2022	624.529.273.455	1.914.879.591.539	110.414.329.960	3.208.224.526	208.130.177	2.653.239.549.657
Tại ngày 30/09/2022	597.786.925.656	1.725.218.787.217	103.809.663.487	2.383.305.744	215.521.077	2.429.414.203.181



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2022****10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2022	3.620.400.000	67.445.832.074	71.066.232.074
Mua trong năm	-	17.730.125.920	17.730.125.920
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(3.620.400.000)	(17.347.500.005)	(20.967.900.005)
Giảm nguyên giá	-	-	-
Tại ngày 30/09/2022	-	67.828.457.989	67.828.457.989
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2022	813.841.974	9.461.865.138	10.275.707.112
Khấu hao trong năm	168.805.001	5.751.644.369	5.920.449.370
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(982.646.975)	(5.782.010.984)	(6.764.657.959)
Tại ngày 30/09/2022	-	9.431.498.523	9.431.498.523
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2022	2.806.558.025	57.983.966.937	60.790.524.962
Tại ngày 30/09/2022	-	58.396.959.466	58.396.959.466

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2022	116.854.000.000	16.592.924.227	133.446.924.227
Mua mới	672.300.000	268.120.000	940.420.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	2.599.800.000	2.599.800.000
Tại ngày 30/09/2022	117.526.300.000	19.460.844.227	136.987.144.227
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	571.088.456	571.088.456
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2022	-	12.995.255.165	12.995.255.165
Hao mòn trong năm	-	1.865.180.804	1.865.180.804
Tại ngày 30/09/2022	-	14.860.435.969	14.860.435.969
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2022	116.854.000.000	3.597.669.062	120.451.669.062
Tại ngày 30/09/2022	117.526.300.000	4.600.408.258	122.126.708.258



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2022****12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
Mua sắm tài sản	10.259.478.660	54.399.000
Khác	446.927.000	3.051.821.920
TỔNG CỘNG	10.706.405.660	3.106.220.920

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
NGẮN HẠN		
Công Ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	872.599.298.702	1.236.237.983.623
Jfe Shoji Corporation	103.905.870.414	436.911.814.054
Công ty TNHH Becker Industrial Coatings Việt Nam	168.659.454.961	133.683.749.470
Phải trả cho người bán khác	704.044.507.623	535.986.715.671
Phải trả cho các bên liên quan	-	9.128.000.000
TỔNG CỘNG	1.849.209.131.700	2.351.948.262.818

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
Gramperfil S.A	12.344.640.000	17.780.080.988
PT.Kepuh Kencana Arum	-	1.273.601.728
PT. MaJu Bersama Trussco	11.123.100.196	1.518.833.137
Người mua trả tiền trước khác	39.450.201.440	38.041.438.108
TỔNG CỘNG	62.917.941.636	58.613.953.961



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2022****15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số dư tại ngày 01/01/2022	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Số dư tại ngày 30/09/2022
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	767.717.530	221.060.232	221.060.232	767.717.530
Thuế giá trị gia tăng	143.668.166.502	1.762.742.995.973	1.791.127.424.446	115.283.738.029
Thuế Thu nhập cá nhân	-	6.778.077	-	6.778.077
Khác	7.020.000	-	-	7.020.000
TỔNG CỘNG	144.442.904.032	1.762.970.834.282	1.791.348.484.678	116.065.253.636
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	67.707.853.445	29.738.925.207	67.819.666.520	29.627.112.132
Thuế giá trị gia tăng	39.397.961.093	1.589.991.356.930	1.621.570.131.604	7.819.186.419
Thuế thu nhập cá nhân	1.396.171.831	23.720.580.962	24.140.834.012	975.918.781
Thuế bảo vệ môi trường	-	275.680.000	265.960.000	9.720.000
Thuế nhập khẩu	206.825.486	1.207.905.286	1.341.748.899	72.981.873
Khác	23.656.578	3.427.166.320	3.450.822.898	-
TỔNG CỘNG	108.732.468.433	1.648.361.614.705	1.718.589.163.933	38.504.919.205

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
NGÂN HẠN		
UPAS L/C (*)	1.088.033.977.915	1.965.096.402.967
Chiết khấu bộ chứng từ (**)	-	368.152.785.550
Quảng cáo	1.654.924.818	938.102.030
Khác	19.138.652.986	1.922.060.109
TỔNG CỘNG	1.108.827.555.719	2.336.109.350.656

(*) Đây là các khoản phải trả liên quan đến việc mua hàng tồn kho và trong đó một phần được thực hiện dưới hình thức thu tín dụng trả chậm thanh toán ngay (UPAS L/C) phát hành bởi các ngân hàng thương mại cổ phần.

(**) Đây là các khoản phải trả liên quan đến việc bán hàng hóa và trong đó một phần được thực hiện dưới hình thức chiết khấu thanh toán trước được phát hành bởi các ngân hàng thương mại cổ phần.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2022****17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng	4.781.387.308.983	3.226.726.809.906
Vay bên liên quan	6.769.340.000	-
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	1.395.506.424	293.828.324.797
Vay bên liên quan dài hạn đến hạn trả	23.600.000.000	237.096.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	8.112.809.677	14.200.824.658
Trái phiếu chuyển đổi (<i>Thuyết minh số 20</i>)	-	55.685.663.962
CỘNG	4.821.264.965.084	3.827.537.623.323
Vay dài hạn		
Vay ngân hàng	22.793.271.664	383.615.243.818
Nợ thuê tài chính	29.298.142.071	29.214.474.049
Vay các bên liên quan	-	38.300.000.000
CỘNG	52.091.413.735	451.129.717.867
TỔNG CỘNG	4.873.356.378.819	4.278.667.341.190



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2022**

	30/09/2022		01/01/2022	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	4.821.264.965.084	109.792.410	3.771.851.959.361	18.299.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng - VND</i>	<i>2.216.800.789.372</i>		<i>2.806.683.691.906</i>	
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn - TP.HCM	1.165.012.059.849		1.570.766.515.435	
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	-		1.227.021.913.796	
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	269.867.970.108		-	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	642.497.127.624		-	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Đông Đồng Nai	-		4.895.262.675	
Ngân Hàng United Overseas - CN HCM	139.423.631.791		4.000.000.000	
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng - USD</i>	<i>2.564.586.519.605</i>	<i>109.792.410</i>	<i>420.043.115.000</i>	<i>18.299.000</i>
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn - TP.HCM	543.141.337.325	23.124.471	-	-
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	2.010.260.628.000	86.192.000	264.131.840.000	11.504.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	11.184.554.280	475.938	-	-
Ngân Hàng TMCP Quân Đội - CN Bình Dương	-	-	155.911.275.000	6.795.000
<i>Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả</i>	<i>1.395.506.424</i>		<i>293.828.324.797</i>	
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn - TP.HCM	-		155.253.058.017	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	1.395.506.424		4.375.266.780	
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	-		134.200.000.000	
<i>Vay bên liên quan dài hạn đến hạn trả và ngắn hạn</i>	<i>30.369.340.000</i>		<i>237.096.000.000</i>	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	6.769.340.000		237.096.000.000	
Bà Nguyễn Thị Phương Loan	23.600.000.000		-	
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</i>	<i>8.112.809.677</i>		<i>14.200.827.658</i>	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	7.738.559.671		13.468.710.150	
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	-		233.117.500	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	374.250.006		499.000.008	
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>	<i>52.091.413.735</i>		<i>451.129.717.867</i>	
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>22.793.271.664</i>		<i>383.615.243.818</i>	
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn - TP.HCM	-		169.297.959.958	
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	-		191.524.012.196	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	22.793.271.664		22.793.271.664	
<i>Nợ thuê tài chính dài hạn</i>	<i>29.298.142.071</i>		<i>29.214.474.049</i>	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	28.632.808.759		28.299.640.733	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	665.333.312		914.833.316	
<i>Vay dài hạn từ các bên liên quan</i>	<i>-</i>		<i>38.300.000.000</i>	
Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	-		14.700.000.000	
Lê Thị Phương Loan	-		23.600.000.000	
TỔNG	4.873.356.378.819	109.792.410	4.222.981.677.228	18.299.000

Lãi suất của các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng bằng VND là từ 4%/năm đến 7,5%/năm và bằng USD là từ 2,2%/năm đến 4%/năm. Hình thức đảm bảo là tín chấp, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trái phiếu.

Lãi suất của khoản vay dài hạn từ ngân hàng bằng VND là từ 9,85%/năm. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và máy móc thiết bị.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2022

18. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	Thời điểm phát hành (năm)	Kỳ hạn	Số lượng trái phiếu	Mệnh giá (VND)	Lãi suất danh nghĩa (%/năm)	Lãi suất chiết khấu (%/năm)	Cấu phần vốn (VND)	Cấu phần nợ (VND)
Ngày 1 tháng 1 năm 2022 và								
Ngày 30 tháng 9 năm 2022	2014	3 năm	559.067	100.000	5	6,3	1.931.977.742	55.685.663.962

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2014, Nhóm Công ty đã ký kết Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu (“HĐĐMTP”) với Công ty TNHH Posco Việt Nam (“Posco”), một công ty con của POSCO và được thành lập tại Việt Nam. Theo đó, vào ngày 28 tháng 4 năm 2014, Nhóm Công ty đã phát hành 559.067 trái phiếu chuyển đổi không đảm bảo với mệnh giá mỗi trái phiếu là 100.000 VND cho Posco để đầu tư lắp đặt hai (2) dây chuyền sản xuất mới. Vào ngày 21 tháng 3 năm 2022, Nhóm Công ty và Posco đã ký phụ lục mới nhất – Phụ lục số 8 của HĐĐMTP - ngày đáo hạn mới nhất sẽ là ngày 28 tháng 4 năm 2024. Theo đó, nếu việc chuyển đổi được thực hiện, trái phiếu sẽ được tự động chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông theo giá chuyển đổi được thỏa thuận vào ngày đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN
 (Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2022**

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU.

19.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm 2021							
Tại ngày 01/01/2021	975.098.260.000	464.371.374.500	1.931.977.742	-	3.430.602.730	977.929.824.885	2.422.762.039.857
Phát hành cổ phiếu	48.130.030.000	-	-	-	-	-	48.130.030.000
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(194.915.890.000)	(194.915.890.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	954.229.152.245	954.229.152.245
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(33.866.039.912)	(33.866.039.912)
Khác	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/09/2021	1.023.228.290.000	464.371.374.500	1.931.977.742	-	3.430.602.730	1.703.377.047.218	3.196.339.292.190
Năm 2022							
Tại ngày 01/01/2022	1.023.228.290.000	464.371.374.500	1.931.977.742	-	3.430.602.730	1.958.956.116.367	3.451.918.361.339
Phát hành cổ phiếu (*)	123.686.810.000	370.065.078.983	-	-	-	-	493.751.888.983
Cổ tức công bố (**)	-	-	-	-	-	(114.691.510.000)	(114.691.510.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	123.648.087.264	123.648.087.264
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(100.501.960.918)	(100.501.960.918)
Khác	-	-	-	-	-	(5.426.939.701)	(5.426.939.701)
Tại ngày 30/09/2022	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	-	3.430.602.730	1.861.983.793.012	3.848.697.926.967

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 08/2021/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 22 tháng 5 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Theo đó, vào ngày 14 tháng 3 năm 2022, Công ty đã phát hành 12.368.681 cổ phiếu và Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 1.023.228.290.000 VND lên 1.146.915.100.000 VND vào ngày 8 tháng 4 năm 2022.

(**) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 15/2022/NQ-HĐQT-TDA ngày 8 tháng 6 năm 2022 và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 24 tháng 6 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền tại mức 10% mệnh giá và bằng cổ phiếu tại mức 20% mệnh giá. Vào ngày 11 tháng 7 năm 2022, Nhóm Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức bằng tiền.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á
 Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN
 (Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2022

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức cho cổ đông của công ty

	09T - 2022 VND	09T - 2021 VND
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	1.023.228.290.000	975.098.260.000
Tăng trong năm	123.686.810.000	48.130.030.000
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>1.146.915.100.000</u>	<u>1.023.228.290.000</u>

19.3 Cổ phiếu

	30/09/2022 VND Số cổ phiếu	01/01/2022 VND Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	114.691.510	102.322.829
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	114.691.510	102.322.829
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ phiếu quỹ	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ phiếu đang lưu hành	114.691.510	102.322.829
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2022****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT
QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. DOANH THU****1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	09T - 2022	09T - 2021
	VND	VND
Doanh thu gộp	17.322.325.344.243	17.165.515.006.169
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	16.447.405.250.571	14.974.869.660.041
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	861.649.213.874	2.177.561.517.602
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	13.270.879.798	13.083.828.526
Các khoản giảm trừ doanh thu	40.541.433.743	30.510.410.987
DOANH THU THUẦN	17.281.783.910.500	17.135.004.595.182

1.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	09T - 2022	09T - 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu	156.883.151.477	45.187.956.567
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	155.058.411.088	100.473.280.637
TỔNG CỘNG	311.941.562.565	145.661.237.204

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	09T - 2022	09T - 2021
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	15.136.585.041.527	13.280.419.069.517
Giá vốn hàng hóa đã bán	802.211.716.328	1.911.332.403.986
Giá vốn dịch vụ cung cấp	14.370.776.112	214.778.262
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) hàng tồn kho	68.254.539.406	(229.819.487)
TỔNG CỘNG	16.021.422.073.373	15.191.736.432.278



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á
 Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN
 (Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2022

3. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	09T - 2022	09T - 2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	184.207.450.639	141.503.659.101
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	113.491.118.745	24.084.783.732
TỔNG CỘNG	297.698.569.384	165.588.442.833

4. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	09T - 2022	09T - 2021
	VND	VND
Chi phí vận chuyển và giao hàng	864.409.770.978	532.938.498.970
Chi phí lương nhân viên	39.269.550.035	36.662.028.145
Chi phí quảng cáo	46.577.940.806	58.458.343.582
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.721.502.178	53.565.773.704
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.063.242.720	6.067.407.779
TỔNG CỘNG	1.012.042.006.717	687.692.052.180

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	09T - 2022	09T - 2021
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.757.718.224	32.791.356.399
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	33.449.018.321	-
Chi phí nhân viên	37.850.506.423	34.267.279.248
Chi phí khấu hao và hao mòn	8.049.745.265	8.096.344.712
TỔNG CỘNG	106.106.988.233	75.154.980.359

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2022****6. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	09T - 2022 VND	09T - 2021 VND
Thu nhập khác	8.915.204.250	25.121.687.719
Thu nhập từ bán phế liệu	5.622.907.631	5.976.046.094
Thanh lý tài sản cố định	1.851.851.853	323.803.542
Thu nhập quà biếu tặng	28.144.001	-
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	16.721.197.999
Khác	1.412.300.765	2.100.640.084
Chi phí khác	2.177.328.648	2.482.753.042
Thanh lý tài sản cố định	1.714.220.881	-
Tiền bồi thường	-	344.880.462
Tiền phạt thuế	12.132.080	912.536.801
Khác	450.975.687	1.225.335.779
LỢI NHUẬN KHÁC	6.737.875.602	22.638.934.677

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:

	09T - 2022 VND	09T - 2021 VND
Chi phí thuế TNDN	29.627.112.134	227.375.112.222
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	1.976.053.891
Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.627.112.134	229.351.166.113
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	9.918.511.562	(447.458.934)
Chi phí thuế TNDN	39.545.623.696	228.903.707.179

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2022****VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong quý bao gồm

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Chi trả nợ gốc vay	294.426.660.000	-
		Vay	49.400.000.000	17.200.000.000
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	Chi trả nợ gốc vay	-	-
		Vay	-	23.600.000.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán quý. Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Tại ngày 30/09/2022	Tại ngày 01/01/2022
Vay ngắn hạn				
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Vay	6.769.340.000	237.096.000.000
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	Vay dài hạn đến hạn trả	23.600.000.000	-
Vay dài hạn				
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Vay	-	14.700.000.000
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	Vay	-	23.600.000.000
TỔNG CỘNG			-	38.300.000.000



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2022****VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN(TIẾP THEO)**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

Đơn vị tính: VND

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021
Hội đồng Quản trị	4.054.100.000	314.100.000
Ban Tổng Giám đốc	11.433.346.501	8.398.332.458
Ban Kiểm soát	115.000.000	-
TỔNG CỘNG	15.602.446.501	8.712.432.458

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

Bình Dương, ngày 25 tháng 10 năm 2022

Người lập
(Ký, họ tên)**Võ Công Danh**Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)**Trần Lệ Xuân**

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Hồ Song Ngọc**